

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 64/ 2022/HNGĐ-ST

Ngày 11/8/2022

V.v Tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Việt Thành

2/ Bà Trần Vĩnh Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B – thành phố Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 352/QĐST, ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 16, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Phan Hoàng L**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 16, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Bà và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Quá trình hôn nhân có thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông L có quan hệ ngoài hôn nhân với phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa, mâu thuẫn. Vợ

chồng đã nhiều lần nói chuyện tìm giải pháp nhưng đều không có kết quả. Nhận thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nên bà T có đơn xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Thị Ngọc N (nữ), sinh năm 2009 và Phan Trọng M (nam), sinh năm 2011. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/cháu/tháng.

Tài sản chung: Xác định không có

Nợ chung: Xác định không có.

Phía bị đơn – ông Phan Hoàng L, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành lập thủ tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt phía bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa;

Bị đơn vắng mặt.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu được xin ly hôn với ông L, do vợ chồng ly thân đã lâu, không còn quan tâm tới nhau. Bà giữ nguyên yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung là Phan Thị Ngọc N và Phan Trọng M, tuy nhiên, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền giải quyết và thẩm thủ tục tố tụng: Bà T và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận B nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do ông L thường xuyên vắng nhà nên Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các thông báo triệu tập cho ông L. Để đảm bảo thủ tục tố tụng, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thông báo, cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nhà ông L và Ủy ban nhân dân phường Long Xuyên, nơi ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú. Nay căn cứ các thủ tục tố tụng đã được tiến hành hợp lệ, Tòa án đưa vụ án ra xét

xử vắng mặt đối với ông L theo quy định tại Điều 179, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua trình bày của nguyên đơn cho thấy, vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông L có quan hệ với người phụ nữ khác, nên không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng hiện đã ly thân và không còn thương yêu, quan tâm nhau, điều này cho thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông L, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[3] Về con chung: Hai cháu Phan Thị Ngọc N và Phan Trọng M hiện do bà T nuôi dưỡng, các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, do vậy đây là căn cứ để chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà T. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 1 Điều 228 và 271 Bộ luật tố tụng Dân sự.
- Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh T đối với ông Phan Hoàng L.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Ngọc N (nữ), sinh năm 2009 và Phan Trọng M (nam), sinh năm 2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Không đặt ra xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu.

- Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông L không ai được quyền ngăn cản.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh T phải nộp 300.000 đồng. chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002538 ngày 09/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B thành án phí

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận B;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA Q B.
- UBND p An Hòa, QNK
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ

